

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH ĐẠI HỌC - DẠY NGHỀ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

(đã được soát xét)



NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	02 - 03
Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	04 - 05
Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét	06 - 29
Bảng cân đối kế toán giữa niên độ	06 - 07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	09
Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ	10 - 29

DO
C
ÁCH
ẢNH
/

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Sách Đại học - Dạy nghề (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Sách Đại học - Dạy nghề được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 0101517669 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 28 tháng 07 năm 2004, đăng ký thay đổi gần nhất lần thứ bảy ngày 07 tháng 06 năm 2024.

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 187B Phố Giảng Võ, Phường Ô Chợ Dừa, Thành phố Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông: Đặng Trần Bảo Tín	Chủ tịch	(Bổ nhiệm ngày 25 tháng 04 năm 2025, trước đó là Thành viên HĐQT)
Ông: Nguyễn Công Dũng	Chủ tịch	(Miễn nhiệm ngày 25 tháng 04 năm 2025)
Bà: Nguyễn Bích Ngọc	Thành viên HĐQT	
Bà: Tạ Thị Thanh Huyền	Thành viên HĐQT	
Ông: Phạm Quỳnh	Thành viên HĐQT	(Bổ nhiệm ngày 25 tháng 04 năm 2025)
Bà: Đoàn Linh Hương	Thành viên HĐQT	(Bổ nhiệm ngày 25 tháng 04 năm 2025)
Bà: Nguyễn Thị Hữu	Thành viên HĐQT	(Miễn nhiệm ngày 25 tháng 04 năm 2025)

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông: Trần Đình Hoàng	Giám đốc
----------------------	----------

Các thành viên Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông: Nguyễn Hoàng Đức Việt	Trưởng ban	(Bổ nhiệm ngày 04 tháng 07 năm 2025)
Bà: Trần Thị Thu Thủy	Trưởng ban	(Miễn nhiệm ngày 04 tháng 07 năm 2025)
Bà: Lê Thị Nhi	Thành viên	(Bổ nhiệm ngày 04 tháng 07 năm 2025)
Ông: Phạm Gia Huân	Thành viên	

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến khi lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này là Ông Trần Đình Hoàng - Giám đốc).

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện soát xét các Báo cáo tài chính giữa niên độ cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính giữa niên độ, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

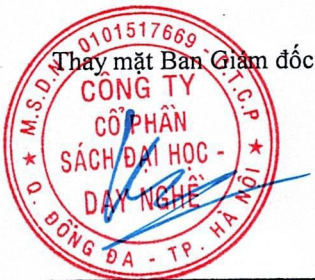
- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc và Ban Quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ;
- Lập các Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 30/06/2025, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Cam kết khác

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán và Thông tư số 68/2024/TT-BTC ngày 18/09/2024 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 96/2020/TT-BTC.



Trần Đình Hoàng

Giám đốc

Hà Nội, ngày 12 tháng 08 năm 2025

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Sách Đại học - Dạy nghề**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Sách Đại học - Dạy nghề được lập ngày 12 tháng 08 năm 2025, từ trang 06 đến trang 29, bao gồm: Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Sách Đại học - Dạy nghề chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Sách Đại học - Dạy nghề tại ngày 30 tháng 06 năm 2025, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 và Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Công ty Cổ phần Sách Đại học - Dạy nghề đã được soát xét và kiểm toán bởi Kiểm toán viên và Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC. Kiểm toán viên đã đưa ra kết luận và ý kiến chấp nhận toàn phần đối với các Báo cáo tài chính này tại ngày 08/08/2024 và tại ngày 27/03/2025.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AAC



Nguyễn Ngọc Lân

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

số: 1427-2023-002-1

Hà Nội, ngày 13 tháng 08 năm 2025



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2025	01/01/2025
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		14.851.234.512	19.723.567.738
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	03	1.194.120.245	4.771.133.329
111	1. Tiền		894.120.245	1.291.133.329
112	2. Các khoản tương đương tiền		300.000.000	3.480.000.000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	04	7.079.000.000	6.568.000.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		7.079.000.000	6.568.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		1.768.252.259	3.435.711.460
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	05	1.603.765.083	3.295.457.449
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	06	164.500.000	160.500.000
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	07	194.481.022	168.487.857
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(194.493.846)	(188.733.846)
140	IV. Hàng tồn kho	09	4.785.236.963	4.935.955.283
141	1. Hàng tồn kho		6.394.646.448	6.004.141.381
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(1.609.409.485)	(1.068.186.098)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		24.625.045	12.767.666
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	11	24.625.045	12.767.666
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		375.173.411	513.661.162
220	I. Tài sản cố định		352.794.869	453.593.402
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	352.794.869	453.593.402
222	- Nguyên giá		1.209.582.400	1.209.582.400
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(856.787.531)	(755.988.998)
260	II. Tài sản dài hạn khác		22.378.542	60.067.760
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	11	22.378.542	60.067.760
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		15.226.407.923	20.237.228.900

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025

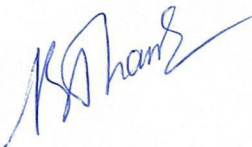
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/06/2025	01/01/2025
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		2.471.071.159	7.166.964.104
310	I. Nợ ngắn hạn		2.471.071.159	7.166.964.104
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	12	1.956.969.355	6.453.797.216
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	13	285.332.344	469.081.369
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	47.210.667	82.182.726
314	4. Phải trả người lao động		165.000.000	144.844.000
319	5. Phải trả ngắn hạn khác	15	16.534.730	17.034.730
322	6. Quỹ khen thưởng phúc lợi		24.063	24.063
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		12.755.336.764	13.070.264.796
410	I. Vốn chủ sở hữu	16	12.755.336.764	13.070.264.796
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		10.000.000.000	10.000.000.000
411a	Cổ đông phổ thông có quyền biểu quyết		10.000.000.000	10.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		1.890.000.000	1.890.000.000
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		962.203.411	962.203.411
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(96.866.647)	218.061.385
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		218.061.385	16.576.543
421b	LNST chưa phân phối kỳ này		(314.928.032)	201.484.842
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		<u>15.226.407.923</u>	<u>20.237.228.900</u>

Hà Nội, ngày 12 tháng 08 năm 2025

Người lập biểu

Kế toán trưởng



Vũ Bích Thịnh



Vũ Bích Thịnh



Trần Đình Hoàng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ


Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	06 tháng	06 tháng
			đầu năm 2025	đầu năm 2024
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	18	4.598.558.614	4.346.444.978
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		4.598.558.614	4.346.444.978
11	4. Giá vốn hàng bán	19	2.921.135.724	3.004.544.101
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		1.677.422.890	1.341.900.877
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	20	206.563.499	119.481.216
22	7. Chi phí tài chính		-	-
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		-	-
25	8. Chi phí bán hàng	21	731.656.701	512.885.650
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	22	1.467.257.720	1.616.270.270
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		(314.928.032)	(667.773.827)
31	11. Thu nhập khác	23	-	10.000.000
32	12. Chi phí khác		-	88.003
40	13. Lợi nhuận khác		-	9.911.997
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		(314.928.032)	(657.861.830)
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	24	-	-
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		(314.928.032)	(657.861.830)
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	25	(315)	(658)

Hà Nội, ngày 12 tháng 08 năm 2025

Người lập biểu

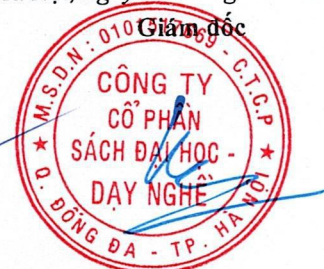
Kế toán trưởng



Vũ Bích Thịnh



Vũ Bích Thịnh



Trần Đình Hoàng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

(Theo phương pháp trực tiếp)

Mã CHỈ TIÊU số	Thuyết minh	06 tháng đầu năm 2025 VND	06 tháng đầu năm 2024 VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	6.134.924.662	4.458.428.212
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	(7.781.029.123)	(2.600.942.536)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động	(1.290.506.437)	(1.109.764.920)
06	4. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	7.100.000	97.687.570
07	5. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	(315.972.520)	(360.747.664)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	(3.245.483.418)	484.660.662
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
22	1. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	-	10.000.000
23	2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	(8.794.000.000)	(1.500.000.000)
24	3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	8.283.000.000	1.047.445.023
27	4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	179.470.334	125.065.180
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	(331.529.666)	(317.489.797)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	(3.577.013.084)	167.170.865
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	4.771.133.329	1.443.235.937
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	<u>1.194.120.245</u>	<u>1.610.406.802</u>

Hà Nội, ngày 12 tháng 08 năm 2025

Người lập biểu

Kế toán trưởng



Vũ Bích Thạnh



Vũ Bích Thạnh



Trần Đình Hoàng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Sách Đại học - Dạy nghề được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 0101517669 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 28 tháng 07 năm 2004, đăng ký thay đổi gần nhất lần thứ bảy ngày 07 tháng 06 năm 2024.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 187B Phố Giảng Võ, Phường Ô Chợ Dừa, Thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty là: 10.000.000.000 VND; tương đương 1.000.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 là: 15 người (tại ngày 01 tháng 01 năm 2025 là: 13 người).

Lĩnh vực kinh doanh

In ấn, bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm, bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là: Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình. (Chi tiết: Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm).

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ kế toán có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Trong kỳ Công ty đang cố gắng gia tăng thêm mảng doanh thu biên tập, sửa bài, đọc kiểm tra bản thảo.... Tuy nhiên việc gia tăng sản xuất còn gặp nhiều khó khăn do mảng Sách Đại học đặc thù khó tìm kiếm người mua trên thị trường, số lượng sách tồn kho lâu năm còn nhiều dẫn đến việc kinh doanh của Công ty vẫn còn thua lỗ.

2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3. Cơ sở lập Báo cáo tài chính giữa niên độ

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

2.4. Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc kỳ kế toán cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán.

Các ước tính và giả định có ảnh hưởng trọng yếu trong Báo cáo tài chính giữa niên độ bao gồm:

- Dự phòng phải thu khó đòi;
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho;
- Ước tính phân bổ chi phí trả trước;
- Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định;
- Ước tính thuế thu nhập doanh nghiệp.

Các ước tính và giả định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giả định trong tương lai có ảnh hưởng trọng yếu tới Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty và được Ban Giám đốc Công ty đánh giá là hợp lý.

2.5. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính.

2.6. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.7. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được lập vào thời điểm cuối kỳ căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

2.8. Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên Báo cáo tài chính giữa niên độ căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

2.9. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí phát sinh thực tế cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Trong đó giá trị thuần có thể thực hiện được của thành phẩm, hàng hóa (các đầu sách xuất bản) chậm luân chuyển từ 2 năm trở lên tính từ thời điểm xuất bản được xác định bằng Giá vốn nhân với (x) tỷ lệ % thu hồi dự kiến.

Đối với hàng tồn kho ứ đọng, kém, mất phẩm chất: Do biến động thị trường, xã hội có các loại sách đã lỗi thời không còn phù hợp với thị yếu người tiêu dùng, vì vậy Công ty thực hiện trích lập dự phòng cho các loại sách này tại ngày 01/01/2025 và 30/06/2025 dựa trên dựa trên tuổi sách và tỷ lệ thu hồi dự kiến của các đầu sách.

2.10. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Nếu các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Các chi phí khác phát sinh sau khi tài sản cố định đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ mà chi phí phát sinh.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Phương tiện vận tải 06 năm

2.11. Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Các loại chi phí trả trước của Công ty bao gồm:

- Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản mà Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu đồng và do đó không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá công cụ dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 03 tháng đến 01 năm.
- Chi phí trả trước khác được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng từ 01 năm đến 03 năm.

2.12. Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Báo cáo tài chính giữa niên độ căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

2.13. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Tổng Công ty Lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.

2.14. Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn.

Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán giữa niên độ.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

2.15. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng trong kỳ, được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, chi phí nhân công và chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, dự phòng giảm giá hàng tồn kho, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan... được ghi nhận đầy đủ và, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong kỳ kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

2.16. Thuế thu nhập doanh nghiệp

a) Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế TNDN trong kỳ kế toán hiện hành.

b) Thuế suất thuế TNDN hiện hành

Trong kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025, Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN.

2.17. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.18. Thông tin bộ phận

Do Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực sản xuất và diễn ra chủ yếu trên lãnh thổ Việt Nam nên Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý.

3. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
Tiền mặt	46.578.561	51.975.578
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	847.541.684	1.239.157.751
Các khoản tương đương tiền	300.000.000	3.480.000.000
	1.194.120.245	4.771.133.329

Tại ngày 30/06/2025, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn 01 tháng, có giá trị 300.000.000 VND được gửi tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kiên Long - Chi nhánh Hà Nội với lãi suất 4,0%/năm.

4. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Tiền gửi có kỳ hạn	7.079.000.000	-	6.568.000.000	-
	7.079.000.000	-	6.568.000.000	-

Tại ngày 30/06/2025, các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn là tiền gửi có kỳ hạn 06 tháng, có giá trị 550.000.000 VND được gửi tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh Tây Đô với lãi suất 5,5%/năm và tiền gửi có kỳ hạn 06 tháng có giá trị 6.529.000.000 VND được gửi tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kiên Long - Chi nhánh Hà Nội với lãi suất từ 5,7%/năm đến 5,9%/năm.

5. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG NGẮN HẠN

	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh Tây Đô	-	-	1.671.848.813	-
- Công ty Cổ phần Hàng không Tre Việt	-	-	651.246.000	-
- Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Gia Lai	530.644.500	-	269.368.200	-
- Công ty Cổ phần Công nghệ Giáo dục AES	164.501.113	-	-	-
- Các khách hàng khác	908.619.470	(194.493.846)	702.994.436	(188.733.846)
	1.603.765.083	(194.493.846)	3.295.457.449	(188.733.846)

6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Công ty TNHH In Nhật Hàn	160.500.000	-	160.500.000	-
- Đối tượng khác	4.000.000	-	-	-
	164.500.000	-	160.500.000	-

7. PHẢI THU KHÁC NGẮN HẠN

	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<i>Chi tiết theo nội dung</i>				
- Phải thu lãi cho vay, lãi tiền gửi	159.155.632	-	132.062.467	-
- Tạm ứng	13.142.241	-	10.142.241	-
- Ký cược, ký quỹ	22.183.149	-	26.283.149	-
	194.481.022	-	168.487.857	-

Chi tiết theo đối tượng

- Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kiên Long - Chi nhánh Hà Nội	159.155.632	-	132.062.467	-
- Công ty Cổ phần cơ khí xây dựng và lắp đặt điện máy nước	22.176.000	-	22.176.000	-
- Phải thu khác	13.149.390	-	14.249.390	-
	194.481.022	-	168.487.857	-

8. NỢ XẤU

	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
- Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi				
+ Phải thu khách hàng	194.493.846	-	194.493.846	5.760.000
Công ty Cổ phần Sách - Thiết bị trường học Đắk Nông	39.476.625	-	39.476.625	-
Công ty Cổ phần Sách - Thiết bị trường học Ninh Thuận	30.000.386	-	30.000.386	-
Các đối tượng khác	125.016.835	-	125.016.835	5.760.000
	194.493.846	-	194.493.846	5.760.000

9. HÀNG TỒN KHO

	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Nguyên liệu, vật liệu	2.191.577	-	3.482.368	-
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	233.624.126	-	42.869.278	-
- Thành phẩm	5.787.029.874	(1.342.460.129)	5.585.988.864	(1.053.739.297)
- Hàng hóa	371.800.871	(266.949.356)	371.800.871	(14.446.801)
	6.394.646.448	(1.609.409.485)	6.004.141.381	(1.068.186.098)

- Giá trị hàng tồn kho ứ đọng, kém, mất phẩm chất khó có khả năng tiêu thụ tại thời điểm cuối kỳ: 3.343.740.584 VND.

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Phương tiện vận	Cộng
	tải, truyền dẫn	VND
	VND	VND
Nguyên giá		
Số dư đầu kỳ	1.209.582.400	1.209.582.400
Số dư cuối kỳ	1.209.582.400	1.209.582.400
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư đầu kỳ	755.988.998	755.988.998
- Khấu hao trong kỳ	100.798.533	100.798.533
Số dư cuối kỳ	856.787.531	856.787.531
Giá trị còn lại		
Tại ngày đầu kỳ	453.593.402	453.593.402
Tại ngày cuối kỳ	352.794.869	352.794.869

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
- Công cụ dụng cụ xuất dùng	7.801.136	12.767.666
- Chi phí bảo hiểm	16.823.909	-
	24.625.045	12.767.666
b) Dài hạn		
- Công cụ dụng cụ xuất dùng	15.670.200	23.505.300
- Chi phí khác	6.708.342	36.562.460
	22.378.542	60.067.760

12. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Số có khả	Giá trị	Số có khả
	VND	năng trả nợ VND	VND	năng trả nợ VND
<i>Bên liên quan</i>	9.818.182	9.818.182	9.818.182	9.818.182
- Công ty TNHH MTV Nhà Xuất Bản Giáo dục Việt Nam	9.818.182	9.818.182	9.818.182	9.818.182
<i>Bên khác</i>	1.947.151.173	1.947.151.173	6.443.979.034	6.443.979.034
- Công ty Cổ phần Văn hóa Hà Nội	338.910.000	338.910.000	278.329.000	278.329.000
- Công ty cổ phần in Phúc Yên	298.408.408	298.408.408	668.487.306	668.487.306
- Xí nghiệp in - Nhà máy Z176	198.927.600	198.927.600	-	-
- Công ty Cổ phần Thương mại in Nhật Nam	-	-	4.804.789.752	4.804.789.752
- Đối tượng khác	1.110.905.165	1.110.905.165	692.372.976	692.372.976
	1.956.969.355	1.956.969.355	6.453.797.216	6.453.797.216
<i>Trong đó, số nợ quá hạn chưa thanh toán</i>				
- Khoản phải trả nhuận bút cho tác giả	121.449.993	121.449.993	121.449.993	121.449.993
- Khoản phải trả cho nhà in	9.000.000	9.000.000	9.000.000	9.000.000
	130.449.993	130.449.993	130.449.993	130.449.993

13. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
- Ning Yanzhuo - Tầm Vị Ký	55.323.800	-
- Công ty Cổ phần Cao Trần	124.183.200	109.183.200
- Công ty Cổ phần Công nghệ Giáo dục AES	-	300.000.000
- Các khách hàng khác	105.825.344	59.898.169
	285.332.344	469.081.369

14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu kỳ	Số phải nộp đầu kỳ	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số phải thu cuối kỳ	Số phải nộp cuối kỳ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
- Thuế giá trị gia tăng	-	63.293.948	38.548.289	63.922.726	-	37.919.511
- Thuế thu nhập cá nhân	-	18.888.778	38.980.210	48.577.832	-	9.291.156
- Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	5.061.200	5.061.200	-	-
	-	82.182.726	82.589.699	117.561.758	-	47.210.667

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

15. PHẢI TRẢ KHÁC NGẮN HẠN

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
- Kinh phí công đoàn	16.534.730	17.034.730
	16.534.730	17.034.730

16. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Thặng dư vốn cổ phần	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu kỳ trước	10.000.000.000	962.203.411	1.890.000.000	16.576.543	12.868.779.954
Lỗi trong kỳ trước	-	-	-	(657.861.830)	(657.861.830)
Số dư cuối kỳ trước	10.000.000.000	962.203.411	1.890.000.000	(641.285.287)	12.210.918.124
Số dư đầu kỳ này	10.000.000.000	962.203.411	1.890.000.000	218.061.385	13.070.264.796
Lỗi trong kỳ này	-	-	-	(314.928.032)	(314.928.032)
Số dư cuối kỳ này	10.000.000.000	962.203.411	1.890.000.000	(96.866.647)	12.755.336.764

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Cuối kỳ	Tỷ lệ	Đầu kỳ	Tỷ lệ
	VND	%	VND	%
Công ty TNHH Một thành viên Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	2.173.000.000	21,73	2.173.000.000	21,73
Phạm Lê Tú Uyên	1.020.000.000	10,20	1.020.000.000	10,20
Doãn Hữu Đoàn	840.750.000	8,41	840.750.000	8,41
Trần Thị Thu Hằng	1.530.000.000	15,30	1.530.000.000	15,30
Đặng Hồng Thi	499.800.000	5,00	499.800.000	5,00
Đặng Trần Bảo Tín	1.030.200.000	10,30	1.030.200.000	10,30
Cổ đông khác	2.906.250.000	29,06	2.906.250.000	29,06
	10.000.000.000	100,00	10.000.000.000	100,00

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	06 tháng đầu năm 2025	06 tháng đầu năm 2024
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu kỳ	10.000.000.000	10.000.000.000
- Vốn góp cuối kỳ	10.000.000.000	10.000.000.000

d) Cổ phiếu

	30/06/2025	01/01/2025
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	1.000.000	1.000.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	1.000.000	1.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	1.000.000	1.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.000.000	1.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	1.000.000	1.000.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND):	10.000	10.000

e) Các quỹ của Công ty

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
- Quỹ đầu tư phát triển	962.203.411	962.203.411
	962.203.411	962.203.411

17. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Tài sản thuê ngoài

Tên lô đất/Địa điểm lô đất	Diện tích thuê	Đơn giá thuê	Thời gian thuê	Mục đích thuê	Ghi chú
Tầng 3 - Khu B - 187B Giảng Võ, Phường Ô Chợ Dừa, Thành phố Hà Nội	146,4 m2	154.000 đồng/m2/tháng	03 năm (Từ 01/01/2024 đến 31/12/2026)	Trụ sở văn phòng	Trong thời gian từ năm 2024 đến năm 2026, đơn giá thuê đất điều chỉnh tăng/giảm khi cơ quan có thẩm quyền của nhà nước thay đổi, điều chỉnh tăng/giảm giá thuê đất.
Số 86 phố Phú Viên, Phường Bồ Đề, Thành phố Hà Nội.	288 m2	77.000 đồng/m2/tháng	36 tháng (Từ 01/05/2023 đến 30/06/2026)	Làm xưởng sản xuất và kho chứa vật tư.	Đơn giá thuê được áp dụng cho thời gian từ 01/05/2025 đến 30/06/2026. Từ ngày 01/07/2026 trở đi và sau 12 tháng 1 lần sẽ xem xét điều chỉnh giá thuê theo giá trị thị trường hoặc khi có sự thay đổi đơn giá thuê của Nhà nước áp dụng cho địa điểm thuê.

18. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	06 tháng đầu năm 2025	06 tháng đầu năm 2024
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	4.116.418.322	3.447.013.622
Doanh thu cung cấp dịch vụ	52.046.669	-
Doanh thu khác	430.093.623	899.431.356
	4.598.558.614	4.346.444.978
Trong đó: Doanh thu đối với các bên liên quan <i>(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 29)</i>	53.747.075	542.462.867

19. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	06 tháng đầu năm 2025	06 tháng đầu năm 2024
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	2.164.521.288	2.237.349.204
Giá vốn hoạt động khác	191.184.889	847.358.991
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	24.206.160	-
Dự phòng/(Hoàn nhập dự phòng) giảm giá hàng tồn kho	541.223.387	(80.164.094)
	2.921.135.724	3.004.544.101

20. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	06 tháng đầu năm 2025	06 tháng đầu năm 2024
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	206.563.499	119.481.216
	206.563.499	119.481.216

21. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	06 tháng đầu năm 2025	06 tháng đầu năm 2024
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	40.365.333	-
Chi phí nhân công	450.294.350	305.872.390
Chi phí dịch vụ mua ngoài	190.588.471	165.762.641
Chi phí khác bằng tiền	50.408.547	41.250.619
	731.656.701	512.885.650

22. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	06 tháng đầu năm 2025	06 tháng đầu năm 2024
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	120.931.568	25.753.877
Chi phí nhân công	637.303.607	948.558.290
Chi phí khấu hao tài sản cố định	100.798.533	100.798.533
Chi phí dịch vụ mua ngoài	412.651.141	361.122.759
Chi phí khác bằng tiền	195.572.871	180.036.811
	1.467.257.720	1.616.270.270

23. THU NHẬP KHÁC

	06 tháng đầu năm 2025	06 tháng đầu năm 2024 (đã điều chỉnh)
	VND	VND
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	-	10.000.000
	-	10.000.000

24. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	06 tháng đầu năm 2025	06 tháng đầu năm 2024 (đã điều chỉnh)
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	(314.928.032)	(657.861.830)
Các khoản điều chỉnh tăng	114.000.000	114.087.903
- Chi phí không hợp lệ	-	87.903
- Thù lao HĐQT không trực tiếp điều hành	114.000.000	114.000.000
Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
- Chuyển lỗ các năm trước	-	-
Thu nhập chịu thuế TNDN	(200.928.032)	(543.773.927)
Chi phí thuế TNDN hiện hành (thuế suất 20%)	-	-
Thuế TNDN phải nộp đầu kỳ	-	-
Thuế TNDN đã nộp trong kỳ	-	-
Thuế TNDN phải nộp cuối kỳ từ hoạt động kinh doanh	-	-

Các khoản lỗ tính thuế có thể được chuyển sang để bù trừ với thu nhập chịu thuế trong tương lai trong vòng 5 năm liên tiếp kể từ năm ngay sau năm phát sinh lỗ. Số lỗ thực tế được chuyển qua các năm sau cho mục đích thuế sẽ phụ thuộc vào việc kiểm tra và chấp thuận của cơ quan thuế và có thể chênh lệch so với số liệu được trình bày trong báo cáo tài chính. Các khoản lỗ ước tính có thể bù trừ vào thu nhập chịu thuế trong tương lai của Công ty như sau:

Năm phát sinh lỗ	Tình trạng kiểm tra của các cơ quan thuế	Số lỗ tính thuế	Số lỗ tính thuế	Số lỗ còn được
		phát sinh	đã được sử dụng	chuyển sang các kỳ tính thuế sau
		VND	VND	VND
2023	Chưa thanh tra	920.226.617	(475.086.091)	445.140.526
2024	Chưa thanh tra	-	-	-
6 tháng năm 2025	Chưa thanh tra	-	-	-

Ban Ban Giám đốc Công ty đánh giá khả năng Công ty có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng các khoản lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng này là chưa chắc chắn. Do đó, không có tài sản thuế thu nhập hoãn lại nào liên quan đến các khoản này được ghi nhận vào Bảng cân đối kế toán kỳ này.

25. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	06 tháng đầu năm 2025	06 tháng đầu năm 2024
	VND	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	(314.928.032)	(657.861.830)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	(314.928.032)	(657.861.830)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	1.000.000	1.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(315)	(658)

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành trên Lợi nhuận sau thuế tại các thời điểm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025, Công ty không có các cổ phiếu có tiềm năng suy giảm lãi trên cổ phiếu.

26. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	06 tháng đầu năm 2025	06 tháng đầu năm 2024
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	162.587.692	26.597.852
Chi phí nhân công	1.336.452.808	1.254.430.680
Chi phí khấu hao tài sản cố định	100.798.533	100.798.533
Chi phí dịch vụ mua ngoài	960.280.877	1.122.896.316
Chi phí khác bằng tiền	245.981.418	249.537.430
	2.806.101.328	2.754.260.811

27. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro tài chính

Các loại rủi ro tài chính của Công ty có thể gặp phải bao gồm: rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Công ty có thể sẽ gặp phải các rủi ro thị trường như: tỷ giá hối đoái, lãi suất.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 30/06/2025				
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.147.541.684	-	-	1.147.541.684
Phải thu khách hàng, phải thu khác	1.603.752.259	-	-	1.603.752.259
Các khoản cho vay	7.079.000.000	-	-	7.079.000.000
	9.830.293.943	-	-	9.830.293.943
Tại ngày 01/01/2025				
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.719.157.751	-	-	4.719.157.751
Phải thu khách hàng, phải thu khác	3.275.211.460	-	-	3.275.211.460
Các khoản cho vay	6.568.000.000	-	-	6.568.000.000
	14.562.369.211	-	-	14.562.369.211

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính đến hạn thanh toán do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Tại ngày 30/06/2025	VND	VND	VND	VND
Phải trả người bán, phải trả khác	1.973.504.085	-	-	1.973.504.085
	1.973.504.085	-	-	1.973.504.085
Tại ngày 01/01/2025				
Phải trả người bán, phải trả khác	6.470.831.946	-	-	6.470.831.946
	6.470.831.946	-	-	6.470.831.946

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

28. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Ngày 04/07/2025, Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2025 của Công ty đã ban hành Nghị quyết số 28/NQ-ĐHĐCĐ phê duyệt phương án tăng vốn điều lệ năm 2025 (theo tờ trình số 94/TTr - HĐQT của Hội đồng quản trị Công ty). Theo đó, số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành tối đa là 4 triệu cổ phiếu, tương đương tăng vốn điều lệ tối đa 40 tỷ VND. Đối tượng chào bán là nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp (dưới 30 nhà đầu tư) với giá chào bán dự kiến là 13.070 đồng/1 cổ phiếu. Thời gian thực hiện dự kiến trong năm 2025 sau khi Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước có văn bản thông báo đã nhận được đầy đủ hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu riêng lẻ.

29. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách mối quan hệ giữa các bên liên quan và Công ty như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty TNHH MTV NXB Giáo dục Việt Nam	Công ty đầu tư
Nhà Xuất bản Giáo dục tại Thành phố Hà Nội	Đơn vị trực thuộc Công ty đầu tư
Nhà Xuất bản Giáo dục tại Thành phố Đà Nẵng	Đơn vị trực thuộc Công ty đầu tư
Nhà Xuất bản Giáo dục tại Thành phố Hồ Chí Minh	Đơn vị trực thuộc Công ty đầu tư
Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban Kiểm soát.	

Ngoài các thông tin với các bên liên quan đã trình bày tại các thuyết minh trên, Công ty còn có các giao dịch phát sinh trong kỳ kế toán với các bên liên quan như sau:

		Mối quan hệ	06 tháng đầu năm 2025	06 tháng đầu năm 2024
			VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ			53.747.075	542.462.867
Công ty TNHH MTV NXB Giáo dục Việt Nam	Công ty đầu tư		53.747.075	216.232.867
Nhà xuất bản giáo dục tại Thành phố Đà Nẵng	Đơn vị trực thuộc Công ty đầu tư		-	162.925.000
Nhà xuất bản giáo dục tại Thành phố Hồ Chí Minh	Đơn vị trực thuộc Công ty đầu tư		-	163.305.000
		Mối quan hệ	06 tháng đầu năm 2025	06 tháng đầu năm 2024
			VND	VND
Mua hàng			173.843.514	201.834.703
Nhà xuất bản giáo dục tại Thành phố Hà Nội	Đơn vị trực thuộc Công ty đầu tư		173.843.514	201.834.703
		Chức vụ	06 tháng đầu năm 2025	06 tháng đầu năm 2024
			VND	VND
Thù lao thành viên Hội đồng quản trị				
- Đặng Trần Bảo Tín	Chủ tịch (Bổ nhiệm ngày 25 tháng 04 năm 2025)		24.000.000	21.000.000
- Nguyễn Công Dũng	Chủ tịch (Miễn nhiệm ngày 25 tháng 04 năm 2025)		20.000.000	30.000.000
- Nguyễn Bích Ngọc	Ủy viên HĐQT		21.000.000	21.000.000
- Tạ Thị Thanh Huyền	Ủy viên HĐQT		21.000.000	21.000.000
- Nguyễn Thị Hữu	Ủy viên HĐQT (Miễn nhiệm ngày 25 tháng 04 năm 2025)		14.000.000	21.000.000
- Phạm Quỳnh	Ủy viên HĐQT (Bổ nhiệm ngày 25 tháng 04 năm 2025)		7.000.000	-
- Đoàn Linh Hương	Ủy viên HĐQT (Bổ nhiệm ngày 25 tháng 04 năm 2025)		7.000.000	-
			114.000.000	114.000.000

Thù lao thành viên Ban kiểm soát

- Nguyễn Hoàng Đức Việt	Trưởng ban (Bổ nhiệm ngày 04 tháng 07 năm 2025)	15.000.000	5.000.000
- Trần Thị Thu Thủy	Trưởng ban (Miễn nhiệm ngày 04 tháng 07 năm 2025)	21.000.000	21.000.000
- Lê Thị Nhi	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 04 tháng 07 năm 2025)	-	-
- Phạm Gia Huân	Thành viên	15.000.000	15.000.000
		51.000.000	41.000.000

Tiền lương, thưởng của Giám đốc

- Trần Đình Hoàng	Giám đốc	139.260.000	114.360.000
		139.260.000	114.360.000

Do trong 6 tháng đầu năm 2025 tình hình Hoạt động kinh doanh của Công ty còn khó khăn, vì vậy các thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát cam kết không nhận thù lao trong 6 tháng đầu năm 2025.

30. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ và thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 đã được Công ty TNHH Kiểm toán và kế toán AAC kiểm toán. Số liệu trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024.

Ban Giám đốc Công ty đã quyết định điều chỉnh hồi tố một số chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 đã được soát xét bởi Kiểm toán viên Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC căn cứ theo Báo cáo quản trị 6 tháng đầu năm 2024 của Công ty Cổ phần Sách Đại học - Dạy nghề. Theo đó một số chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 được điều chỉnh cụ thể như sau:

	Thuyết minh	Số liệu trên Báo cáo tài chính giữa niên độ kỳ trước	Số liệu điều chỉnh lại	Chênh lệch
Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (*)	Thù lao HĐQT không trực tiếp điều hành	135.000.000	114.000.000	21.000.000
	Thu nhập chịu Thuế TNDN	(522.773.927)	(543.773.927)	21.000.000

(*) Điều chỉnh Thù lao Hội đồng quản trị không trực tiếp điều hành do sai sót của Công ty trong quá trình lập Báo cáo tài chính giữa niên độ kỳ trước dẫn đến Thuế Thu nhập doanh nghiệp 6 tháng năm 2024 thay đổi.

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Hà Nội, ngày 12 tháng 08 năm 2025





Vũ Bích Thạnh

Vũ Bích Thạnh

Trần Đình Hoàng

